# Bài Thứ 21 – Dạng Thức Biến Thể thứ 3 (Phần 3)
# Cú Pháp của Mạo Từ

Hôm nay, chúng ta sẽ xem qua nhanh chóng một số các thể từ thường gặp của dạng thức biến thể thứ 3. Mục tiêu là nhận biết dễ dàng các thể từ này nhưng chúng ta cũng bắt đầu xem một số gốc cạnh của cú pháp với việc xây dựng mạo từ.

***Dạng thức biến thể thứ 3- chủ đề mang tính phụ âm với -ηρ : πατήρ và ἀνήρ***

Cho đến nay, chúng ta chỉ nhận thấy dạng thức biến thể **danh cách và thuộc cách ở số ít của các thể từ**. Với dạng thức biến thể thứ 3 chúng ta cũng áp dụng thể thức này với các danh từ có...

- ... một nguyên âm mệnh đề dài **-η** : ἕλλην, ἕλληνος,
- ... một nguyên âm mệnh đề ngắn **-ε** : ποιμήν, ποιμένος.

**NHƯNG**

**Một số danh từ thông dụng với -ηρ**, nhất là có liên quan về mặt **gia đình** thì có một điểm đặc biệt là **một mệnh đề chập lại** ở một số trường hợp ngữ cảnh:

ὁ πατήρ, πατρός, *người cha* - ἡ μήτηρ, μητρός, *người mẹ*

ἡ θυγάτηρ, θυγατρός, *đứa con gái* - ἡ γαστήρ, γαστρός, *bao tử.*

**Một danh từ khác với -ηρ** : ὁ ἀνήρ, ἄνδρός, *con người* có một biến thể với một mệnh đề với ἀνδρ-.

| | **ὁ πατήρ, πατρός** *người cha* | | **ἡ μήτηρ, μητρός** *người mẹ* | | **ὁ ἀνήρ, ἄνδρός** *con người* | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **[dc] SỐ ÍT** | ὁ | πατήρ | ἡ | μήτηρ | ὁ | ἀνήρ |
| **[hc]** | | πάτερ | | μήτερ | | ἄνερ |
| **[đc]** | τὸν | πατέρα | τὴν | μητέρα | τὸν | ἄνδρα |
| **[tc]** | τοῦ | πατρός | τῆς | μητρός | τοῦ | ἀνδρός |
| **[gtc]** | τῷ | πατρί | τῇ | μητρί | τῷ | ἀνδρί |
| | | | | | | |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **[dc] SỐ NHIỀU** | οἱ | πατέρες | αἱ | μητέρες | οἱ | ἄνδρες |
| **[hc]** | | πατέρες | | μητέρες | | ἄνδρες |
| **[đc]** | τοὺς | πατέρας | τὰς | μητέρας | τοὺς | ἄνδρας |
| **[tc]** | τῶν | πατέρων | τῶν | μητέρων | τῶν | ἀνδρῶν |
| **[tgc]** | τοῖς | πατράσι[ν] | ταῖς | μητράσι[ν] | τοῖς | ἀνδράσι[ν] |

**LƯU Ý :**

- **Sự chập lại** của mệnh đề nếu xảy đến, sẽ tác động đến dạng thức **thuộc cách và tặng cách ở số ít** cũng như **tặng cách ở số nhiều** ,

**NHẮC LẠI :**

- Các thay đổi về mặt chính tả thuộc về âm nhạc hài âm là các thay đổi ở dạng thức biến thể thứ 3
- Ở **danh cách số ít**, nếu nguyên âm cuối dài hơn âm của mệnh đề thì nguyên âm này sẽ trở lại như là ngắn ở dạng thức hô cách.
- Ở dạng thức **tặng cách số nhiều**, chúng ta có thể bỏ **ν** cuối cùng trước một phụ âm.
- Ngoại trừ thuộc cách ở số nhiều, tất cả các vĩ tố của từ đều là ngắn và các quy tắc đặt dấu cũng tương tự với các biến thể khác.

**Động viên : các từ này rất thông dụng, anh chị chỉ cần tìm thấy trong các thể thức đễ dễ dàng phiên dịch...**

### *Xây dựng cấu trúc câu với mạo từ*

Mạo từ rất thông dụng trong Hy-lạp ngữ thánh kinh, và mạo từ mang đặc tính "**thể từ**" cho thực tế mạo từ thể hiện hay giới thiệu (như với tính từ hay động từ). Nếu mạo từ nói đến một danh từ đứng trước thì mạo từ sẽ biến đổi để thích hợp với danh từ đó. Do đó chúng ta cần phiên dịch với một đại từ chỉ định : *người, anh ấy (là)..., sự kiện, vấn đề...* – hay một từ tương tự:

- **ở giống đực hay giống cái,** mạo từ thể hiện một hay nhiều người
- **ở giống trung,** mạo từ thể hiện một sự kiện hay một/nhiều đồ vật

οἱ μαθηταὶ Ἰωάννου … καὶ οἱ τῶν Φαρισαίων,
*các môn đồ của Giăng... và các môn đồ của người pha-ri-si [Lu-ca 5,33]*

τὰ τοῦ θεοῦ, *những gì (món đồ vật) của Đức Chúa Trời = những gì thuộc về Đức Chúa Trời*

**Đứng trước một danh từ,** mạo từ có thể được tách ra với danh từ bởi:

- một thuộc cách : ὑπὲρ τῆς τοῦ κόσμου ζωῆς, *vì (cho) sự sống của thế gian*
- một bổ ngữ thuộc trạng ngữ (complément circonstanciel) :
  οἱ μετ᾽ αὐτοῦ κλητοί, *những ai được Chúa kêu gọi (được kêu gọi bởi Ngài)*
- một tiểu từ (particule),

***Từ vựng***

| | | | |
|---|---|---|---|
| ὁ ἀνήρ, ἀνδρός | con người, người nam | ἀναβαίνω | đi lên, bước lên, trèo lên |
| ἡ γαστήρ, γαστρός | bao tử (tiêu hóa) [*gastrite*] | παραλαμβάνω | đem theo, dẫn theo |
| ἡ θυγάτηρ, θυγάτρος | cô gái, đứa con gái | ὑπάγω | Bỏ đi, ra đi |
| ἡ μήτηρ, μητρός | người mẹ | ὁ οἶνος, ου | rượu [*oenologie*] |
| ὁ πατήρ, πατρός | người cha | τὸ παιδίον, οὐ | đứa bé, cháu nội, cháu ngoại |